

Bản án số: 35/2018/HC-ST

Ngày: 16-7-2018

Về việc khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Trân.

2. Ông Đoàn Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Luân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Châu Thùy Tam - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2017/HCST ngày 27 tháng 11 năm 2017 về “*Khiếu kiện quyết định thu hồi đất; quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-HC ngày 26/4/2018, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Chị **Lê Xuân T**, sinh năm 1984 (có mặt);

2. Anh **Lê Thành N**, sinh năm 1986 (có mặt);

3. Anh **Lê Thiện N**, sinh năm 1988 (có mặt);

4. Anh **Lê Trung T**, sinh năm 1990 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 01, ấp Đ, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện P.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Mai Văn Huỳnh** - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 04, đường 30/4, khu phố 02, thị trấn D, huyện P, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện bà Lê Xuân T và đồng khởi kiện trình bày:

Năm 1991 cha mẹ ruột của chị Lê Xuân T, anh Lê Thiện N, anh Lê Thành N và anh Lê Trung T là ông Lê Văn U và bà Trần Thị N có khai khẩn một thửa đất diện tích 102.654,9m² tại ấp Đ, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Sử dụng để cất nhà, đào ao nuôi cá và trồng cây trên đất. Ngoài diện tích đất này gia đình ông U không còn diện tích đất nào khác. Quá trình sử dụng đất của ông Lê Văn U có nhiều người sống lâu năm ở địa phương biết rõ như: Ông Nguyễn Văn Đ (là Trưởng ấp Đường B từ năm 1988 đến 2004), ông Nguyễn Văn T (là Trưởng ấp Đường B từ năm 2004 đến 2009).

Năm 2005, sau khi bà N chết, ông Lê Văn U làm “Tờ cho đất” phân chia phần đất của ông U cho các con, cụ thể: Chị Lê Xuân T, anh Lê Thiện N, anh Lê Thành N mỗi người 25 công (25.000m²). Riêng anh Lê Trung T ở cùng với ông U khi nào ông U già yếu thì được thừa hưởng phần đất còn lại.

Thực hiện dự án khu Du lịch - Dân cư N, ngày 27/10/2011 Ủy ban nhân dân (UBND) huyện P ra Quyết định số 5102/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 26.156,1m² của ông Lê Văn U, loại đất rừng phòng hộ. Trong ngày 03/11/2011 UBND huyện P ra Quyết định 5551/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 112,4m² của ông Lê Văn U, loại đất ở nông thôn và Quyết định 5530/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 76.386,4m² của ông Lê Văn U, loại đất rừng phòng hộ. Các quyết định này thu hồi tổng số 102.654,9m² đất của ông Lê Văn U. Gia đình ông U không được UBND huyện P giao các quyết định thu hồi đất này.

Ngày 13/11/2011 ông Lê Văn U bị bệnh chết. Sau khi ông U chết gia đình mới được UBND huyện P giao Quyết định 5834/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 của UBND huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông U, quyết định này chỉ hỗ trợ cho ông U 287.016.600 đồng mà không bồi thường, tái định cư cho ông U.

Do không được bồi thường nên các con ông U, đại diện là anh Lê Trung T làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện P yêu cầu được bồi thường diện tích đất 102.542,5m².

Ngày 07/6/2017 Chủ tịch UBND huyện P tổ chức đối thoại với anh Lê Trung T, nội dung kết luận Chủ tịch UBND huyện P giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện xác minh lại nguồn gốc đất của ông U. Nếu ông U sử dụng đất năm 1991 thì bồi thường theo quy định, nếu sử dụng sau năm 1998 thì hỗ trợ thêm diện tích 15.933,4 m² cho đủ hạn mức 30.000m², thống nhất lập phương án bồi thường

bổ sung cây trồng và công đào ao cho gia đình ông U. Cũng tại cuộc đối thoại này gia đình ông U mới biết được các quyết định thu hồi đất của ông U.

Đến tháng 8/2017 gia đình ông U vẫn chưa nhận được quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện P. Ngày 16/8/2017 các con của ông U là chị Lê Xuân T, anh Lê Thiện N, anh Lê Thành N và anh Lê Trung T khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy các Quyết định số 5102/QĐ-UBND ngày 27/10/2011, Quyết định 5551/QĐ-UBND và Quyết định 5530/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 của UBND huyện P về việc thu hồi của ông Lê Văn U;

- Hủy Quyết định 5834/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 của UBND huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông U.

- Buộc UBND huyện P và Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Dịch vụ Tín Nghĩa Bãi Trường trả lại diện tích đất đã thu hồi của ông U.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện P: Đã nhận Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng không có văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T và các em. Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Chị Lê Xuân T và đồng khởi kiện rút lại yêu cầu buộc UBND huyện P và Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Dịch vụ Tín Nghĩa Bãi Trường trả lại 102.542,5m² đã thu hồi của ông U. Bởi hiện nay, qua xem xét thẩm định tại chỗ thì Ban Quản lý Khu kinh tế P xác định chưa giao diện tích đất đã thu hồi của ông U cho Công ty này. Rút lại yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định 5551/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 của UBND huyện P về việc thu hồi 112,4m² đất ở của ông Lê Văn U.

Yêu cầu HĐXX: Hủy các Quyết định số 5102/QĐ-UBND ngày 27/10/2011 và Quyết định 5530/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 của UBND huyện P về việc thu hồi của ông Lê Văn U và hủy Quyết định 5834/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 của UBND huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông U. Đồng thời, kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với chị Lê Xuân T, anh Lê Thiện N, anh Lê Thành N và anh Lê Trung T theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các quyết định này thu hồi đất không đúng đối tượng, lẽ ra phải thu hồi của 4 người gồm Lê Xuân T, Lê Thành N, Lê Thiện N và Lê Văn U nhưng chỉ ban hành quyết định thu hồi đất đối với ông U làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền

lợi của các đương sự. Tại thời điểm thu hồi đất chị Lê Xuân T, anh Lê Thiện N, anh Lê Thành N đã được ông U phân chia mỗi người 25.000m² đất. Chị Thảo, anh Nhân đã tách khẩu thành hộ riêng với hộ ông U và đã quản lý sử dụng đất. Anh N tuy chưa tách khẩu nhưng cũng đã quản lý, sử dụng riêng diện tích đất được ông U cho. Diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu ra quyết định thu hồi chỉ một mình ông U thì việc bồi thường, hỗ trợ chỉ được xem xét trong giới hạn 3 hécta, nếu thu hồi đúng đối tượng thì cả ba chị em chị T và ông U đều được xem xét bồi thường, hỗ trợ.

Diện tích đất này ông U đã khai khẩn từ năm 1991 sử dụng ổn định đến năm 2005 mới phân chia cho các con. UBND huyện P không bồi thường mà chỉ hỗ trợ là không đúng.

Số tiền hỗ trợ 287.016.600 đồng hiện nay chị em chị Thảo chưa nhận.

- Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án; việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án; việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Công văn số 599/BQLKKTTPQ-QLTNMT ngày 12/6/2018 của Ban Quản lý Khu kinh tế P xác định toàn bộ phần đất của ông U bị thu hồi hiện nay chỉ mới có chủ trương giao cho Công ty Cổ phần xây dựng V và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Tín Nghĩa N. Tuy nhiên, Ban Quản lý Khu kinh tế P chưa giao phần đất thu hồi của ông Lê Văn U cho các công ty này vì chưa tiến hành xong việc bồi thường, giải phóng mặt bằng. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không đưa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Tín Nghĩa N vào tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, những người khởi kiện thống nhất rút lại yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định 5551/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 của UBND huyện P về việc thu hồi 112,4m² đất ở của ông Lê Văn U và yêu cầu Buộc UBND huyện P và Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Dịch vụ Tín Nghĩa N trả lại 102.542,5m² đã thu hồi của ông U. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đã rút.

Về nội dung: Việc UBND huyện P thu hồi đất nhưng không triển khai cho gia đình ông U là vi phạm Điều 52 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai. Ông U đã cho đã cho đất cho các con từ thời điểm năm 2005, riêng anh Tín ở chung với ông U, việc UBND huyện P chỉ thu hồi đất của ông U là không đúng đối tượng. Từ lúc ông U chết đến nay các con của ông U vẫn quản lý toàn bộ diện tích đất.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện về việc hủy Quyết định số 5102/QĐ-UBND ngày 27/10/2011 và Quyết định 5530/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi của ông Lê Văn U và hủy Quyết định 5834/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quyết định số 5102/QĐ-UBND ngày 27/10/2011, Quyết định 5551/QĐ-UBND và Quyết định 5530/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 của UBND huyện P về việc thu hồi của ông Lê Văn U; Quyết định 5834/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 của UBND huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông U, là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 30, Điều 32 của Luật tố tụng hành chính.

Đại diện người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

Quyết định số 5102/QĐ-UBND ngày 27/10/2011, Quyết định 5551/QĐ-UBND và Quyết định 5530/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 44 Luật đất đai 2003.

Quyết định 5834/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 56 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ Quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai.

Tại Công văn số 599/BQLKKTTPQ-QLTNMT ngày 12/6/2018 của Ban Quản lý Khu kinh tế P xác định toàn bộ phần đất của ông U bị thu hồi hiện nay chỉ mới

có chủ trương giao cho Công ty Cổ phần xây dựng V và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Tín Nghĩa N. Tuy nhiên, Ban Quản lý Khu kinh tế P chưa giao phần đất thu hồi của ông Lê Văn U cho các công ty này vì chưa tiến hành xong việc bồi thường, giải phóng mặt bằng. Do đó không cần thiết đưa các công ty này vào tham gia tổ tụng.

Những người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện, việc rút một phần yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX chấp nhận đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu những người khởi kiện đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

Quyết định thu hồi đất của UBND huyện P ban hành năm 2011 nhưng đến năm 2017 vẫn chưa triển khai cho gia đình ông U là vi phạm về trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ Quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai: “...3. *Quyết định thu hồi đất phải được gửi đến người có đất bị thu hồi và được niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã nơi có đất bị thu hồi...*”.

Trước khi ban hành quyết định thu hồi đất UBND huyện P không ra thông báo thu hồi đất là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật đất đai 2003.

Quá trình giải quyết vụ án UBND huyện P không cung cấp chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến về nội dung đơn kiện nên Tòa án căn cứ vào các chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập để xem xét yêu cầu của những người khởi kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 83 Luật tố tụng hành chính.

[3] Những người khởi kiện cho rằng năm 1991 cha mẹ ruột của các anh chị là ông Lê Văn U và bà Trần Thị N có khai khẩn một thửa đất diện tích 102.654,9m² tại ấp Đ, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Sử dụng để cất nhà, đào ao nuôi cá và trồng cây trên đất. Quá trình sử dụng đất của ông Lê Văn U có nhiều người biết sống lâu năm ở địa phương biết rõ như: Ông Nguyễn Văn Đ (là Trưởng ấp Đường B từ năm 1988 đến 2004), ông Nguyễn Văn T (là Trưởng ấp Đường B từ năm 2004 đến 2009).

Căn cứ lời khai của ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn T thì nguồn gốc đất của ông U bị thu hồi do ông U khai phá khoảng năm 1990 - 1992, ông U có trồng đào, hoa màu trên đất và đào ao nuôi cá. Chính quyền còn động viên ông U ở

trên đất để giữ gìn an ninh trật tự khu vực này, ông U còn được bầu làm Tổ trưởng tổ 7, ấp Đường B từ năm 1998 đến năm 2006.

Ngày 06/8/2005, ông Lê Văn U đã có “Tờ cho đất” phân chia phần đất 102.542,5m² cho chị Lê Xuân T, anh Lê Thiện N, anh Lê Thành N mỗi người 25 công (25.000m²), anh Lê Trung T ở cùng với ông U khi nào ông U già yếu thì được thừa hưởng phần đất còn lại. Việc ông U chia đất cho các con có ông Nguyễn Văn Đ chứng kiến. Trong các ngày 27/10/2011, 03/11/2011 UBND huyện P ra quyết định thu hồi đất đối với ông Lê Văn U toàn bộ diện tích 102.542,5m². Như vậy, quyết định thu hồi đất có sự nhầm lẫn về đối tượng, đất ông Lê Văn U đã phân chia cho các con từ năm 2005, năm 2011 UBND huyện P ra quyết định thu hồi xác định toàn bộ diện tích đất 102.542,5m² của ông U là không đúng pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của chị T, anh N và anh Lê Thành N.

Các Quyết định số 5102/QĐ-UBND ngày 27/10/2011 và Quyết định 5530/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 về việc thu hồi của ông Lê Văn U vi phạm trình tự, thủ tục ban hành, không đúng về mặt nội dung nên cần thiết phải huỷ bỏ và kiến nghị UBND huyện P ban hành quyết định mới thu hồi đất đúng quy định của pháp luật.

[4] Quyết định 5834/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 của UBND huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Lê Văn U là đúng về đối tượng. Vì nếu trừ 75.000m² ông U đã cho bà người con thì tại thời điểm bị thu hồi đất ông U vẫn còn 27.540m². Căn cứ vào nội dung Biên bản đối thoại ngày 06/6/2017 thì ông U mới chỉ được hỗ trợ diện tích đất 14.066,6m². Trong khi theo định mức ông U được hỗ trợ tối đa là 30.000m².

Bảng tổng hợp số tiền bồi thường và hỗ trợ về đất đai, cây trồng, vật kiến trúc của ông Lê Văn U thì UBND huyện P xác định ông Lê Văn U bị thu hồi 102.542,5m² đất. Trong đó có 14.066,6m² đất sử dụng sau năm 1998 và trước ngày 01/7/2004, diện tích còn lại sử dụng sau ngày 01/7/2004 nhưng không có căn cứ nào để xác định nội dung này.

Trong Biên bản đối thoại Chủ tịch UBND huyện P đã kết luận: “*Nếu ông Lê Văn U sử dụng đất năm 1991 thì bồi thường theo quy định pháp luật, nếu ông Lê Văn U sử dụng sau năm 1998 thì giao Ban Bồi thường, Hỗ trợ và Tái định cư huyện P phối hợp với các cơ quan chuyên môn lập phương án bổ sung hỗ trợ 40% giá đất rừng sản xuất diện tích 15.933,4m² để đủ hạn mức 30.000m² cho gia đình ông Lê Trung T*”. Từ kết luận này Chủ tịch UBND huyện P mặc nhiên thừa nhận toàn bộ diện tích đất của ông U có quá trình sử dụng trước ngày 01/7/2004.

Như đã nêu ở phần trên, ông Nguyễn Văn Đẹp, ông Nguyễn Văn Thao nguyên là Trưởng Ban lãnh đạo ấp Đường B xác nhận ông U khai phá diện tích đất trên từ năm 1991-1992 và được bầu làm Tổ trưởng tổ 7, ấp Đường B từ năm 1998 đến năm 2006. Như vậy, có căn cứ để xác định đất của ông U khai phá ít nhất là trước năm 1998.

Ngày 16/8/1998 UBND tỉnh Kiên Giang ra Quyết định số 2163/QĐ-UB về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng P. Căn cứ các quyết định thu hồi đất của ông U thì toàn bộ diện tích đất nêu trên là đất rừng phòng hộ. Tuy nhiên, ông U có quá trình sử dụng trước ngày UBND tỉnh Kiên Giang giao đất cho rừng phòng hộ, thuộc đối tượng được bồi thường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ Quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai: “ 1. Trường hợp thu hồi đối với đất đã sử dụng trong khoảng thời gian từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật Đất đai và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đất đó không có tranh chấp thì việc bồi thường, hỗ trợ về đất thực hiện theo quy định sau: ...c) Trường hợp đất đang sử dụng thuộc nhóm đất nông nghiệp mà người đang sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì được bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng nhưng diện tích được bồi thường, hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 70 của Luật Đất đai và khoản 1 Điều 69 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP... ”.

Quyết định 5834/QĐ-UBND khi ban hành không áp dụng đúng pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi của những người khởi kiện nên cần phải hủy bỏ.

Kiến nghị UBND huyện P khi ra quyết định thu hồi đất mới cần căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 để ra quyết định bồi thường cho những người bị thu hồi đất.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận HĐXX nghị nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Xuân T và đồng khởi kiện, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang. Hủy các quyết định bị kiện và kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định

bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với chị Lê Xuân T, anh Lê Thiện N, anh Lê Thành N và anh Lê Trung T theo đúng quy định của pháp luật. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu những người khởi kiện đã rút.

[5] Án phí hành chính sơ thẩm:

Chị Lê Xuân T, anh Lê Thiện N, anh Lê Thành N và anh Lê Trung T được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

UBND huyện P phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 83, khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 39, Điều 44 Luật đất đai 2003; Điều 77 Luật đất đai 2013; điểm c khoản 1 Điều 45, khoản 3 Điều 53, khoản 5 Điều 56 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ Quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Xuân T, anh Lê Thiện N, anh Lê Thành N và anh Lê Trung T về việc: Yêu cầu hủy Quyết định 5551/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi 112,4m² đất ở của ông Lê Văn U và yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện P, Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Dịch vụ Tín Nghĩa N trả lại 102.542,5m² đã thu hồi của ông U.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Xuân T, anh Lê Thiện N, anh Lê Thành N và anh Lê Trung T:

- Hủy các Quyết định số 5102/QĐ-UBND ngày 27/10/2011 và Quyết định 5530/QĐ-UBND ngày 03/11/2011 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi của ông Lê Văn U;

- Hủy Quyết định 5834/QĐ-UBND ngày 10/11/2011 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông U.

3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với chị Lê Xuân T, anh Lê Thiện N, anh Lê Thành N và anh Lê Trung T thay thế cho các quyết định bị hủy theo đúng quy định của pháp luật.

4. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Ủy ban nhân dân huyện P phải nộp 300.000 đồng.

- Hoàn trả cho chị Lê Xuân T, anh Lê Thiện N, anh Lê Thành N và anh Lê Trung T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000952 ngày 21/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Cẩm Thu